SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:382 /QĐ-BV

Hải Phòng, ngày 06 *tháng* 11 *năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán mua sắm: Mua sắm hoá chất xét nghiệm chạy máy năm 2027

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định 111/2025/NĐ-CP ngày 22/05/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ;

Căn cứ nghị định 186/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 Thông tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09/9/2026 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2401/QĐ-SYT ngày 26/06/2026 về việc giao quyền tự chủ tài chính cho Bệnh viện Phục hồi chức năng Hải Dương giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-BV ngày 22/04/2026 của Bệnh viện Phục hồi chức năng Hải Dương về việc giao dự toán thu – chi năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 215/QĐ-BV ngày 25/10/2025 của Bệnh viện Phục hồi chức năng Hải Dương về việc "Thành lập Hội đồng mua sắm và các Tổ giúp việc trực thuộc Hội đồng tại Bệnh viện phục hồi chức năng Hải Dương'; Quyết định số 278/QĐ- BV ngày 10/8/2026 về việc "Kiện toàn lại Hội đồng mua sắm và các Tổ giúp việc tại Bệnh viện Phục hồi chức năng Hải Dương";

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học kỹ thuật Bệnh viện ngày ngày 09/9/2026 có nội dung thống nhất, duyệt đề xuất danh mục, thông số kỹ thuật, số lượng hóa chất chạy máy và Vật tư y tế phục vụ chuyên môn năm 2027;

Căn cứ Quyết định số 378/QĐ-BV ngày 03/11/2026 của Bệnh viện Phục

hồi chức năng Hải Dương về việc phê duyệt Danh mục và Dự toán kinh phí gói thầu: Mua sắm hóa chất xét nghiệm chạy máy năm 2027.

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng mua sắm ngày 05/11/2026 có nội dung về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm hoá chất xét nghiệm chạy máy năm 2027;

Xét đề nghị của Hội đồng mua sắm tại Tờ trình số 84/TTr-HĐMS ngày 06/11/2026 về việc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm hoá chất xét nghiệm chạy máy năm 2027.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán mua sắm: Mua sắm hoá chất xét nghiệm chạy máy năm 2027 với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Hội đồng mua sắm; Phòng Tài chính kế toán và các Khoa, Phòng khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu VT; HĐMS

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG HẢI DƯƠNG

Nguyễn Thị Liễu

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư y tế phục vụ chuyên môn năm 2027

(Kèm theo Quyết định số 382/QĐ-BV ngày 06/11/2026 của Bệnh viện Phục hồi Chức năng Hải Dương)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (VNĐ)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	***Tóm tắt công việc chính của gói thầu***									
1	Bệnh viện Phục hồi chức năng Hải Dương	Mua sắm hóa chất xét nghiệm chạy máy năm 2027	Phần 1: Hóa chất xét nghiệm Sinh hóa (chi tiết tại Phục lục đính kèm)	957.983.000	Chi từ nguồn thu BHYT, viện phí và nguồn thu hợp pháp khác của Bệnh viện	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn	-	30 ngày	Quý IV năm 2026	Theo đơn giá cố định	12 tháng	Không áp dụng
			Phần 2: Hóa chất xét nghiệm Huyết học (chi tiết tại Phục lục đính kèm)	510.417.000								
Tổng giá gói thầu				**1.468.400.000**								

PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HOÁ

(Kèm theo Quyết định số 382/QĐ-BV ngày 06/11/2026 của Bệnh viện Phục hồi Chức năng Hải Dương)

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Thông số kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng	Thành tiền
PHẦN 1: HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM SINH HÓA						**957.983.000**
1	Thuốc thử xét nghiệm ALAT/GPT	(6x70ml, 6 x15 ml)/ hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT. Thành phần thuốc thử: R1: TRIS buffer pH 7,8 95 mmol/L L-Alanine 600 mmol/L EDTA 5,8 mmol/L Lactate dehydrogenase LDH ≥ 1,5 kU/l R2: CAPS pH 9,6 85 mmol/L 2-oxoglutarate 113 mmol/L NADH 1,4 mmol/L	Hộp	10	

2	Thuốc thử xét nghiệm Albumin	(6x70mL)/ hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Albumin. Thành phần thuốc thử: R1 Succinic acid 108 mmol/L succinate 56 mmol/L Bromocresol green (BCG) 0,25 mmol/L Detregent and Stabilizer Calibrator Bovine albumin 4 g/dl 40 g/l	Hộp	1	
3	Thuốc thử xét nghiệm Amylase	(6x70mL + 6x15mL)/ hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm α-Amylase. Thành phần thuốc thử: R1: PIPES pH 7,1 57 mmol/L NaCl 86 mmol/L CaCl2 1 mmol/L α-Glucosidase ≥ 4 kU/l R2: HEPES pH 7,2 100 mmol/L NaCl 50 mmol/L MgCl2 9 mmol/L Ethylidene-p-nitrophenyl-maltoheptaoside EPS-G7 11 mmol/L	Hộp	1	
4	Thuốc thử xét nghiệm ASAT/GOT	(6 x70ml, 6 x15 ml)/ hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST. Thành phần thuốc thử: R1: TRIS-Buffer pH 7,8 99 mmol/L L-Aspartate 250 mmol/L	Hộp	10	

			EDTA 16 mmol/L Malate Dehydrogenase (MDH) ≥ 0,5 kU/l Lactate dehydrogenase (LDH) ≥ 1,5 kU/l R2: CAPS pH 9,6 85 mmol/L NADH 1,5 mmol/L 2-Oxoglutarate 113 mmol/L			
5	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin Total	(6x70mL + 6x15mL)/ hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Total Bilirubin. Thành phần thuốc thử: R1: Lithiumdodecylsulfate 44 mmol/L EDTA 6,4 mmol/L Coffeine 61 mmol/L R2: Lithiumdodecylsulfate 36 mmol/L 3,5,-Dichlorphenyldiazoniumsalt DC 0,9 mmol/L Lithiumacetat 15 mmol/L	Hộp	1	
6	Thuốc thử xét nghiệm Clacium	(6x70mL)/ hộp	Hoá chất dùng cho xét nghiệm Calcium. Thành phần thuốc thử:: R1: MES pH 6,5 75 mmol/L Arsenazo III 100 µmol/L Detergent and Stabilizer	Hộp	1	
7	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng sinh hóa	(5ml/lọ)	Dạng đông khô tăng độ ổn định, được sản xuất dựa trên huyết thanh người, chứa tối thiểu 38 thông số xét nghiệm. Ổn định đến hạn sử dụng khi bảo quản ở 2°C -8°C.	Lọ	5	

	mức 3		Sau khi hoàn nguyên mẫu ổn định trong vòng 7 ngày ở 20°C-80°C hoặc 28 ngày ở -20°C			
8	Thuốc thử xét nghiệm Cholesterol	(6x70mL)/ hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol. Thành phần thuốc thử: R1: PIPES pH 6,9 40 mmol/L Phenol 5,3 mmol/L 4-Aminoantipyrine 0,29 mmol/L Lipoprotein Lipase LPL / CHE ≥ 0,5 kU/l Cholesterinoxidase CHO ≥ 0,2 kU/l Peroxidase POD ≥ 1,0 kU/l	Hộp	10	
9	Thuốc thử xét nghiệm Creatinine	(6x70mL + 6x15mL)/ hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine. Thành phần thuốc thử: R1: Sodium Hydroxide 160 mmol/L Disodiumhydrogenphosphate 6,7 mmol/L R2: Picrid Acid 20 mmol/L	Hộp	11	
10	Thuốc thử xét nghiệm GGT	(6x70mL + 6x15mL)/ hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng GGT Tris 120mmol/l; Glycylglycine 150mmol/l; Pipes pH 5,1 180mmol/l; L-Gamma-glutamyl-3-carboxy-4-nitro-anilide 19mmol/l.	Hộp	1	
11	Dung dịch rửa cho máy xét nghiệm sinh hóa	1 lít/ Chai	Dung dịch rửa hệ thông máy sinh hóa; Thành phần: Ethanolamine 5%; Alkaline agent pH = 12; Nonionic detergents <0.1%; Cleaning agents	Chai	2	

			<0.1%; Stabilizers <0.1%.			
12	Thuốc thử xét nghiệm Glucose	(6x70mL)/ hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose. Thành phần thuốc thử: R1: Phosphate Buffer pH 7.5 96 mmol/L Phenol 5 mmol/L Potassiumhexacyanoferrat 7 µmol/L 4-Aminoantipyrine 360 µmol/L Glucoseoxidase GOD ≥ 20 kU/l Peroxidase POD ≥ 1,5 kU/l Detergent and Stabilizer ≤ 0,1 %	Hộp	13	
13	Thuốc thử xét nghiệm HDL-Cholesterol Direct	(4x60mL/4x20mL)/ hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HDL-Cholesterol. Thành phần thuốc thử: R1: MES buffer, pH 6.5 N,N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methyl-aniline TODB Polyvinyl sulfonic acid Polyethylene-glycol-methyl ester MgCl2 EDTA Detergent R2: MES buffer, pH 6.5 Cholesterolesterase Cholesteroloxidase Peroxidase 4-Aminoantipyrine	Hộp	13	

			Detergent			
14	Vật hiệu kiểm soát xét nghiệm định lượng Hemoglobin A1c Control High	(1ml/ hộp)	Chất kiểm chuẩn các đường chuẩn để xác định định lượng HbA1c trong máu người bằng xét nghiệm miễn dịch đo độ đục	Hộp	6	
15	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng Hemoglobin A1c Control Low	1ml / hộp	Chất kiểm chuẩn các đường chuẩn để xác định định lượng HbA1c trong máu người bằng xét nghiệm miễn dịch đo độ đục	Hộp	6	
16	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Hemoglobin A1c Standart Set	(5x1mL)/ hộp	Chất hiệu chuẩn các đường chuẩn để xác định định lượng HbA1c trong máu người bằng xét nghiệm miễn dịch đo độ đục	Hộp	1	
17	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1c	(1x48ml +1x16ml/ Hộp)	Hemoglobin A1c Kit 1x48mL + 1x16mL Thuốc thử dùng trong xét nghiệm định lượng HbA1c; Thành phần: Sodium azide (0.95g/L); Anti-human haemoglobin A1c mouse monoclonal antibody; Phương pháp: turbidimetric; Dải đo: 0-15%; Bước sóng: 660nm; Loại mẫu: Máu toàn phần.	Hộp	21	

18	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng sinh hóa mức 3	5mL/lọ	Dạng đông khô tăng độ ổn định, được sản xuất dựa trên huyết thanh người, chứa tối thiểu 66 thông số xét nghiệm. Ổn định đến hạn sử dụng khi bảo quản ở 2°C -8°C. Sau khi hoàn nguyên mẫu ổn định trong vòng 7 ngày ở 2°C-8°C hoặc 28 ngày ở -20°C	Lọ	12	
19	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng sinh hóa mức 2	5mL/lọ	Dạng đông khô tăng độ ổn định, được sản xuất dựa trên huyết thanh người, chứa tối thiểu 38 thông số xét nghiệm. Ổn định đến hạn sử dụng khi bảo quản ở 2°C -8°C. Sau khi hoàn nguyên mẫu ổn định trong vòng 7 ngày ở 20°C-80°C hoặc 28 ngày ở -20°C	Lọ	12	
20	Thuốc thử xét nghiệm LDL-Cholesterol Direct	(4x60ml x 4x20ml)/ hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDL-Cholesterol. Thành phần thuốc thử: R1: MES Buffer pH 6,5 PEGME/PVS mixture ≤ 1 % Cholesteroloxidase > 500 U/l Cholesterolesterase > 250 U/l Peroxidase > 10 kU 4-Aminoantipyrine 4 mmol/L R2: MES Buffer pH 6,5 N,N-Bis(sulfobutyl)methylaniline < 1 mmol/L	Hộp	13	
21	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng sinh hóa	(1x3mL)	Huyết thanh hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy bao gồm các chỉ số: ACP, PAP, Albumin, ALP, Amylase, Bilirubin-Total và Direct, Calcium,	Lọ	3	

	thường quy		Chloride, Cholesterol, HDL, LDL, CHE, CK, CK-MB, Copper, Creatinine, GLDH Glucose, GOT, GPT, GGT, HBDH, Iron, Lactate, LDH, Lithium, Lipase, Magnesium, Phosphorus, Potassium, Protein, Sodium, Triglyceride, Urea, Uric Acid, Zinc.			
22	Dung dịch rửa cho máy xét nghiệm sinh hóa	(Chai/ 2 lít)	Dung dịch rửa hệ thông máy sinh hóa. Thành phần: Sodium hydroxide < 5%; Non-ionic stabilizer < 0.1%	Chai	14	
23	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa mức bình thường	(1x5mL)	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức bình thường bao gồm các chỉ số: ACP, Albumin, ALP, Amylase, Bilirubin-Total và Direct, Calcium, Chloride, Cholesterol, HDL, LDL, CHE, CK, CK-MB, Copper, Creatinine, GLDH, Glucose, GOT, GPT, GGT, HBDH, Iron, Lactate, LDH, Lithium, Lipase, Magnesium, Phosphorus, Potassium, Protein, Sodium, Triglyceride, Urea, Uric Acid, Zinc.	Lọ	6	
24	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa mức bệnh lý	(1x5mL)	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức bệnh lý bao gồm các chỉ số: ACP, Albumin, ALP, Amylase, Bilirubin-Total và Direct, Calcium, Chloride, Cholesterol, HDL, LDL, CHE, CK, CK-MB, Copper,	Lọ	6	

			Creatinine, GLDH, Glucose, GOT, GPT, GGT, HBDH, Iron, Lactate, LDH, Lithium, Lipase, Magnesium, Phosphorus, Potassium, Protein, Sodium, Triglyceride, Urea, Uric Acid, Zinc.			
25	Thuốc thử xét nghiệm Total Protein	(6 x70ml)/ hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Total Protein. Thành phần thuốc thử: R1: Potassium sodium tartrate 17 mmol/L EDTA 7 mmol/L Sodium hydroxide 1,25 mol/L Copper sulfate 12 mmol/L Potassium iodide 30 mmol/L	Hộp	1	
26	Thuốc thử xét nghiệm Triglycerides	(6x70mL)/ hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglyceride. Thành phần thuốc thử: R1: PIPES pH 7,0 40 mmol/L 4-Chlorphenol 5,4 mmol/L ATP 1,6 mmol/L Mg2+ 4,6 mmol/L Glycerokinase GK ≥ 0,8 kU/l Peroxidase POD ≥ 0,8 kU/l Lipoproteinlipase LPL ≥ 2 kU/l 4-Aminoantipyrine 0,29 mmol/L Glycerol-3-phosphatoxidase GPO ≥3,0 kU/l Detergent and Stabilizer	Hộp	10	
27	Thuốc thử xét	(6x70mL + 6x15mL)/	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea. Thành phần thuốc thử:	Hộp	14	

	nghiệm Urea	hộp	R1: TRIS-Buffer pH 8,0 49 mmol/L EDTA 5,8 mmol/L 2-Oxoglutarate 2,4 mmol/L ADP 2,9 mmol/L Urease ≥ 9 kU/l Glutamate dehydrogenase GLDH ≥ 0,7 kU/l R2: NADH 2,1 mmol/L CAPS pH 9,6 85 mmol/L			
28	Thuốc thử xét nghiệm Uric Acid	(6x70mL + 6x15mL)/ hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid. Thành phần thuốc thử: Phosphate Buffer pH 7,0 50 mmol/L 3,5,Dichlorhydroxybenzolsulfonic acid DCHBS 6 mmol/L 4-Aminoantipyrine 0,3 mmol/L K4[Fe(CN)6] 7,8 µmol/L 4-Aminoantipyrine 1,9mmol/l Glycerol 16% Peroxidase POD ≥ 10 kU/l Uricase ≥ 1 kU/l	Hộp	2	
PHẦN 2: HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC						**510.417.000**
1	Chất kiểm chuẩn mức 1	3ml/lọ	Sử dụng như vật liệu kiểm soát cho xét nghiệm công thức máu toàn phần, bách phân các thành phần bạch cầu và hồng cầu lưới. Thành phần:	Lọ	5	

			bao gồm tế bào hồng cầu đã được ổn định, bạch cầu và tiểu cầu ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản.			
2	Chất kiểm chuẩn mức 2	3ml/lọ	Sử dụng như vật liệu kiểm soát cho xét nghiệm công thức máu toàn phần, bách phân các thành phần bạch cầu và hồng cầu lưới. Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu đã được ổn định, bạch cầu và tiểu cầu ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản.	Lọ	5	
3	Chất kiểm chuẩn mức 3	3ml/lọ	Sử dụng như vật liệu kiểm soát cho xét nghiệm công thức máu toàn phần, bách phân các thành phần bạch cầu và hồng cầu lưới. Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu đã được ổn định, bạch cầu và tiểu cầu ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản.	Lọ	5	
4	Dung dịch pha loãng	20l/ thùng	Hóa chất dùng để đo số lượng và kích thước của RBC và tiểu cầu. Bảo quản: 2 - 35 độ C. Hóa chất sẽ ổn định trong vòng 60 ngày kể từ khi mở nắp. Thành phần: Sodium chloride 0.7%; Tris buffer 0.2%; EDTA-2K 0.02%	Thùng	31	
5	Dung dịch rửa		Chất tẩy rửa có tính kiềm mạnh để loại bỏ các	Hộp	4	

	máy	(4 ml x 20/ hộp)	thuốc thử ly giải. Lưu trữ ở nhiệt độ 1-30 độ C, nơi tối, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp. Thành phần: Sodium Hypochlorite (nồng độ clo 5.0%)			
6	Dung dịch nhuộm tế bào	42mlx2/ hộp	Sử dụng để đánh dấu các bạch cầu trong các mẫu máu đã được pha loãng và ly giải nhằm phân loại các thành phần bạch cầu bạch cầu trung tính (neutrophils), bạch cầu lympho (lymphocytes), bạch cầu mono(monocytes), bạch cầu ưa axit(eosinophils) . Bảo quản: 2-35 độ C. Sau khi mở nắp ổn định trong 90 ngày. Thành phần: Polymethine 0.002%; methanol 3.0%; Ethylene Glycol 96.9%	Hộp	5	
7	Dung dịch đếm hồng cầu	500mlx3/ Hộp	Thuốc thử xác định nồng độ hemoglobin trong máu. Lưu trữ ở nhiệt độ từ 1 - 30 độ C. Sau khi mở nắp, thuốc thử ổn định trong 60 ngày. Thành phần: Sodium Lauryl Sulfate 1.7 g/L	Hộp	8	
8	Dung dịch ly giải tế bào	5 lít/Hộp	Phân tích số lượng và tỉ lệ phần trăm bạch cầu trung tính (neutrophils), bạch cầu lympho (lymphocytes), bạch cầu mono (monocytes), bạch cầu ưa axit (eosinophils). Bảo quản: 2-35 độ C. Thành phần: Organic quaternary ammonium salts 0.07%; Nonionic surfactant 0.17%. Hóa chất đã mở sẽ ổn định trong 90 ngày.	Hộp	9	
TỔNG CỘNG						**1.468.400.000**